

Số: 1271 /BC-ĐHCNDMHN

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

Tổng hợp khảo sát việc làm cựu sinh viên tốt nghiệp năm 2017 sau 12 tháng

Căn cứ Thông tư số 2919/BGDĐT-GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 10/7/2017 về việc khảo sát tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp sau 12 tháng;

I. MỤC ĐÍCH KHẢO SÁT

1. Tìm hiểu thông tin về tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp và khả năng tham gia vào thị trường lao động của sinh viên.
2. Xây dựng thêm kênh thông tin phản hồi để giúp nhà trường xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.
3. Góp phần triển khai thực hiện công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài của Trường.

II. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đối tượng và phạm vi khảo sát

- Đối tượng: Sinh viên tốt nghiệp năm 2017
- Phạm vi khảo sát: sinh viên tốt nghiệp trình độ Cao đẳng chuyên nghiệp

2. Phương pháp

Thiết kế phiếu khảo sát và thực hiện khảo sát trực tuyến. Mẫu khảo sát được chọn ngẫu nhiên, đảm bảo tỷ lệ phản hồi theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tính đại diện về khu vực làm việc và vùng miền của sinh viên tốt nghiệp.

3. Thời gian: Thực hiện khảo sát từ ngày 01/8/2018 đến 30/9/2018

III. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Tình hình sinh viên có phản hồi

TT	Ngành đào tạo		Tổng số SVTN	SVTN phản hồi theo yêu cầu CV 2919		SVTN phản hồi	
	Trình độ	Tên ngành		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	Cao đẳng chuyên nghiệp	Công nghệ may	881	264	30%	633	72%
2	Cao đẳng chuyên nghiệp	Thiết kế thời trang	36	36	100%	36	100%
3	Cao đẳng chuyên nghiệp	Công nghệ cơ khí	24	24	100%	24	100%
Tổng cộng:			941			693	74%

2. Tổng hợp kết quả khảo sát về tình hình việc làm sau 12 tháng (thống kê theo CV 2919 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngành đào tạo		Tổng số SVTN	Chia theo giới tính		Tổng số SVTN được khảo sát	Tổng số SVTN có phản hồi	Chia theo tình trạng việc làm SVTN			Tỉ lệ SVTN có việc làm	Số SVTN có việc làm chia theo khu vực làm việc			
	Trình độ	Tên ngành		Nam	Nữ			Có việc làm	Đang học NC	Chưa có việc làm		Nhà nước	Tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	CDCN	Công nghệ may	881	106	775	881	633	579	14	40	94%	87	273	192	27
2	CDCN	Thiết kế thời trang	36	2	34	36	36	35	1	-	100%	5	21	7	2
3	CDCN	Công nghệ cơ khí	24	24		24	24	19	5	-	100%	5	4	10	-
Tổng cộng			941	132	809	941	693	633	20	40		97	298	209	29
Tỉ lệ chung				14%	86%		74%	91%	3%	6%	94%	15%	47%	33%	5%

***. Chú thích:**

- CDCN: Cao đẳng chuyên nghiệp

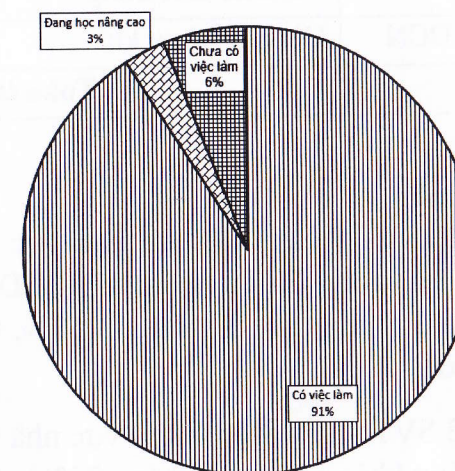
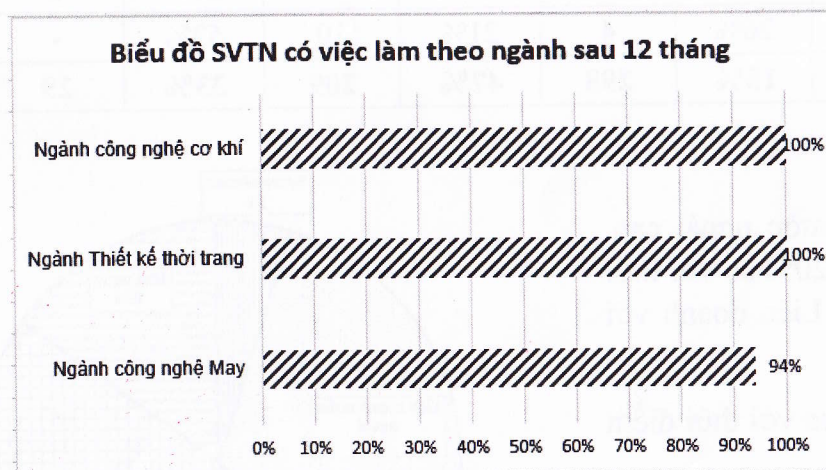
- Tỉ lệ SVTN có việc làm (12) được tính theo công thức thông tư 2919: [(9)+(10)]/(8)

3. Thống kê các kết quả khảo sát

3.1. Tình hình việc làm SVTN

TT	Trình độ	Ngành/ nghề	SL SVTN phản hồi	Có việc làm		Đi học nâng cao		Chưa có việc làm		Tỉ lệ SVTN có VL
				SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	
1	CDCN	Công nghệ may	633	579	91%	14	3%	40	6%	94%
2	CDCN	Thiết kế thời trang	36	35	97%	1	3%	-	-	100%
3	CDCN	Công nghệ cơ khí	24	19	79%	5	21%	-	-	100%
		Tỉ lệ chung	693	633	91%	20	3%	40	6%	94%

- Biểu đồ biểu diễn tình hình việc làm SVTN 2017:



* **Nhận xét:**

- Tỉ lệ phản hồi của cựu sinh viên sau 12 tháng tốt nghiệp đạt mức cao (74%). Kết quả khảo sát cho thấy đa số SVTN phản hồi hiện đang có việc làm hoặc học nâng cao, trong đó có 91% SVTN đi làm, 3% SVTN đang học nâng cao.

- Ngành Công nghệ may có tỉ lệ việc làm sau 12 tháng là 94%, tăng 8% so với thời điểm sau 3 tháng tốt nghiệp (86%); ngành Thiết kế thời trang và Công nghệ kỹ thuật cơ khí có 100% SVTN sau 12 tháng có việc làm, tăng hơn 20% so với thời điểm khảo sát sau 3 tháng (Thiết kế thời trang sau 3 tháng: 79,7%, Công nghệ cơ khí sau 3 tháng: 80.9%) .

- Kết quả trên cho thấy cơ hội việc làm của các ngành trường đào tạo phù hợp với yêu cầu thị trường lao động và xã hội.

3.2. Khu vực làm việc

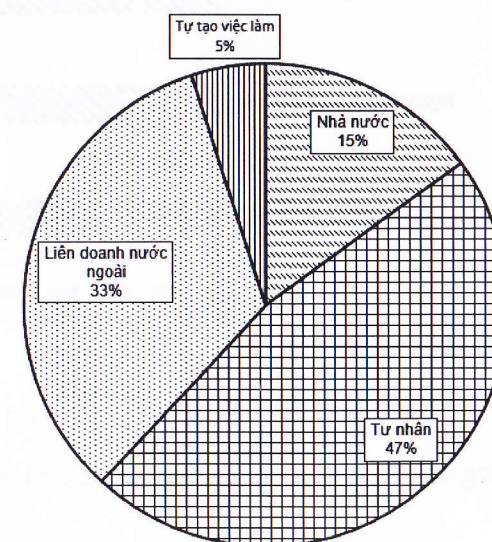
TT	Trình độ	Ngành/ nghề	SL SVTN có VL	Nhà nước		Tư nhân		Liên doanh nước ngoài		Tự tạo việc làm	
				SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	CĐCN	Công nghệ may	579	87	15%	273	47%	192	33%	27	4%
2	CĐCN	Thiết kế thời trang	35	5	14%	21	60%	7	20%	2	6%
3	CĐCN	Công nghệ cơ khí	19	5	26%	4	21%	10	53%	-	-
Toàn trường			633	97	15%	298	47%	209	33%	29	5%

* Nhận xét:

- Tỉ lệ SVTN làm việc tại khu vực tư nhân và liên doanh nước ngoài cao, chiếm 80% (trong đó Tư nhân: 47%, LD nước ngoài: 33%), tăng 20% so với thời điểm sau 3 tháng (sau 3 tháng là 60%, trong đó Tư nhân: 40%, Liên doanh với nước ngoài: 20%).

- Tỉ lệ SVTN làm việc ở khu vực nhà nước là 15%, giảm 18% so với thời điểm sau 3 tháng khảo sát (sau 3 tháng 33%).

- Kết quả trên cho thấy sức hút việc làm ở khu vực tư nhân và khu vực liên doanh nước ngoài đối với sinh viên trường, đồng thời thể hiện khả năng thích ứng của sinh viên tại môi trường làm việc làm việc có đòi hỏi cao nhưng mức thu nhập tốt hơn.



3.3. Kết quả khảo sát mức thu nhập của sinh viên sau tốt nghiệp

a. Thống kê mức thu nhập bình quân của sinh viên tốt nghiệp năm 2017

Trình độ	Ngành/ nghề	SL SVTN có VL	Các mức thu nhập										Chỉ số thu nhập (Triệu đồng)		
			Từ 3 triệu trở xuống		Trên 3- dưới 5 triệu		Từ 5- dưới 8 triệu		Từ 8- dưới 12 triệu		Trên 12 triệu		Thu nhập cao nhất	Thu nhập thấp nhất	Thu nhập bình quân
			SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ			
CĐCN	Công nghệ may	579	3	1%	35	6%	468	81%	45	8%	28	4%	30	1.8	6.65
CĐCN	Thiết kế thời trang	35	-	-	4	11%	22	64%	5	14%	4	11%	23	4	7.63
CĐCN	Công nghệ cơ khí	19	-	-	-	-	10	53%	5	26%	4	21%	30	5	10.66
	TBC Toàn trường	633	3	0%	39	6%	500	79%	55	9%	36	6%			

* Nhận xét:

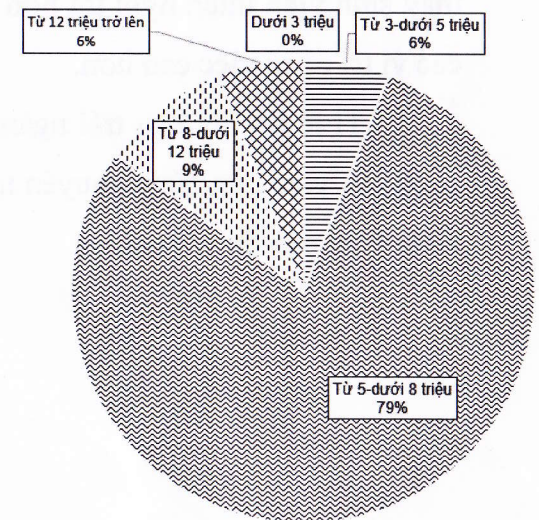
- Thu nhập trung bình sinh viên năm 2017 tốt nghiệp sau 12 tháng tháng đạt 6.83 triệu đồng, tăng gần 2 triệu so với thời điểm sau 3 tháng (sau 3 tháng đạt 5.2 triệu đồng).

- Mức thu nhập sau 12 tháng tốt nghiệp trong khoảng từ 5 triệu - 8 triệu là 79%, tăng 26% so với thời điểm tốt nghiệp sau 3 tháng,

- Mức thu nhập từ 8 triệu trở lên sau 12 tháng là 15% tăng 11% so với thời điểm sau 3 tháng. Mức thu nhập của sinh viên tăng một phần do tỉ lệ sinh viên xuất cảnh lao động tại nước ngoài, với khoảng thu nhập trung bình từ 23-30 triệu.

- Đối với đối tượng sinh viên khởi nghiệp: Mức thu nhập Trung bình chung là 7,77 triệu đồng, cao hơn so với mức thu nhập bình quân khoảng 8.8% trong đó thu nhập cao nhất khoảng 20 triệu.

- Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy sau 12 tháng tốt nghiệp, vẫn còn khoảng 6% sinh viên chưa có việc làm do chưa tìm được việc làm ưng ý và 6% có mức thu nhập dưới 5 triệu đồng/ tháng



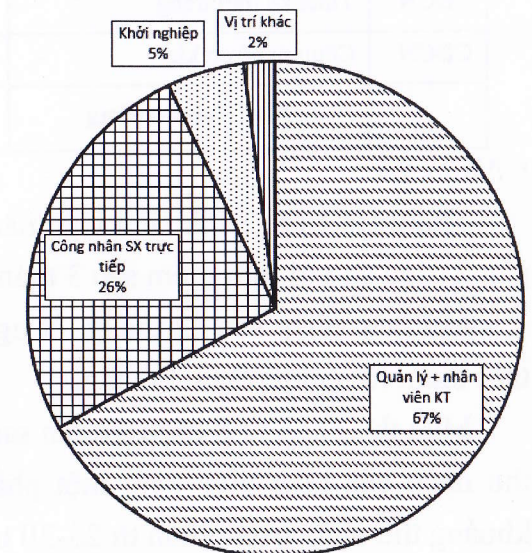
3.4. Kết quả khảo sát về vị trí làm việc của sinh viên

TT	Trình độ	Ngành/ nghề	SL SVTN có VL	Quản lý + nhân viên KT		Công nhân SX trực tiếp		Khởi nghiệp		Vị trí khác (Trái ngành)	
				SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	CĐCN	Công nghệ may	579	396	68%	144	25%	27	5%	12	2%
2	CĐCN	Thiết kế thời trang	35	27	77%	6	17%	2	6%	-	-
3	CĐCN	Công nghệ cơ khí	19	1	5%	17	89%	-	-	1	5%
Tỉ lệ chung toàn trường			633	424	67%	167	26%	29	5%	13	2%

*** Nhận xét:**

- Kết quả khảo sát sau 12 tháng cho thấy, tỷ lệ SVTN làm việc ở các vị trí **quản lý, nhân viên kỹ thuật** tăng 7% so với thời điểm sau 3 tháng (sau 3 tháng: 60%). Điều này cho thấy sinh viên thích nghi tốt hơn với môi trường làm việc tại doanh nghiệp và đáp ứng tốt ở các vị trí công việc cao hơn.

- Tỷ lệ SVTN làm trái ngành sau 12 tháng giảm 9,3% -> cho thấy nhu cầu tuyển dụng các vị trí việc làm đúng chuyên ngành ở doanh nghiệp ổn định và tăng theo cơ cấu phát triển hàng năm của doanh nghiệp.



IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

*** Kết quả khảo sát SVTN năm 2017 sau 12 tháng các khối ngành nghề đạt được những kết quả sau:**

- Tỷ lệ sinh viên phản hồi cao 74%, thể hiện mức độ tin cậy của kết quả khảo sát và sự hợp tác tích cực của sinh viên.
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm cao (94%), tăng so với thời điểm sau 3 tháng, sinh viên có việc làm ổn định.
- Mức thu nhập bình quân của sinh viên tốt nghiệp sau 12 tháng là 6.83 triệu đồng, tăng gần 2 triệu so với thời điểm sau 3 tháng (5.2 triệu đồng), thể hiện xu thế cải thiện thu nhập của sinh viên.
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm ở khu vực tư nhân và liên doanh nước ngoài tăng cao, cho thấy sự hấp dẫn của khu vực làm việc thuộc lĩnh vực kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đồng thời thể hiện sự thích ứng của sinh viên với môi trường làm việc có đòi hỏi cao và mức thu nhập tốt.
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng chuyên môn cao (95%), cho thấy chương trình đào tạo của nhà trường đang đi đúng hướng, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội.
- Tỷ lệ sinh viên khởi nghiệp đạt 5%, mức thu nhập trung bình của sinh viên khởi nghiệp cao hơn so với mức trung bình chung (khoảng 8.8%), Trường cần tiếp tục tăng cường đào tạo, trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho nhóm sinh viên này để phát huy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên.

*** Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2017 sau 12 tháng, còn một số điểm cần lưu ý:**

- Tỷ lệ SVTN chưa có việc làm là 6% tại thời điểm khảo sát, tập trung ở ngành công nghệ may, trong các đợt khảo sát tiếp theo cần tiếp tục tìm hiểu nguyên nhân để có những giải pháp hỗ trợ.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, ĐBCL.



KT HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hương

GD. TRUNG TÂM ĐBCL

Nguyễn Văn Huy

PHỤ LỤC 3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2017

(Kèm theo công văn số: /DHCNDMHN-ĐBCL ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội)

Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy

Đường link đăng tải danh sách:

Họ và tên cán bộ tổng hợp: Nguyễn Văn Huy

Điện thoại: 0913 198 289

Email: huynv@hict.edu.vn

TT	Ngành đào tạo		Tổng số SVTN	Chia theo giới tính		Tổng số SVTN được khảo sát	Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi	Chia theo tình trạng việc làm			Tỉ lệ SVTN có việc làm	Số SVTN có việc làm chia theo khu vực làm việc			
	Mã ngành	Tên ngành		Nam	Nữ			SL SVTN có việc làm	SL SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao	SL SVTN chưa có việc làm		Nhà nước	Tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	51220201	Công nghệ may	881	106	775	881	633	579	14	40	94%	87	273	192	27
2	51210404	Thiết kế thời trang	36	2	34	36	36	35	1	0	100.0%	5	21	7	2
3	51510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24	24	0	24	24	19	5	0	100.0%	5	4	10	0
Tổng cộng			941	132	809	941	693	633	20	40		97	298	209	29

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Hương